

Số: /QĐ-UBND

Ninh Thuận, ngày tháng 12 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH

Quy định giá dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước thuộc lĩnh vực lao động - thương binh và xã hội về việc làm trên địa bàn tỉnh Ninh Thuận

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH NINH THUẬN

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Giá ngày 19 tháng 6 năm 2023;

Căn cứ Nghị định số 32/2019/NĐ-CP ngày 10 tháng 4 năm 2019 của Chính phủ quy định giao nhiệm vụ, đặt hàng hoặc đấu thầu cung cấp sản phẩm, dịch vụ công sử dụng ngân sách nhà nước từ nguồn kinh phí chi thường xuyên;

Căn cứ Nghị định số 23/2021/NĐ-CP ngày 19 tháng 3 năm 2021 của Chính phủ quy định chi tiết khoản 3 Điều 37 và Điều 39 của Luật Việc làm về Trung tâm Dịch vụ việc làm, doanh nghiệp hoạt động dịch vụ việc làm;

Căn cứ Nghị định số 60/2021/NĐ-CP ngày 21 tháng 6 năm 2021 của Chính phủ quy định cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập;

Căn cứ Nghị định số 73/2024/NĐ-CP ngày 30 tháng 6 năm 2024 của Chính phủ quy định mức lương cơ sở và chế độ tiền thưởng đối với cán bộ, công chức, viên chức và lực lượng vũ trang;

Căn cứ Nghị định số 78/2024/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của luật giá về thẩm định giá;

Căn cứ Nghị định số 85/2024/NĐ-CP ngày 10 tháng 7 năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của luật giá;

Căn cứ Thông tư số 23/2023/TT-BTC ngày 25 tháng 4 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ quản lý, tính hao mòn, khấu hao tài sản cố định tại cơ quan, tổ chức, đơn vị và tài sản cố định do Nhà nước giao cho doanh nghiệp quản lý không tính thành phần vốn nhà nước tại doanh nghiệp;

Căn cứ Thông tư 45/2024/TT-BTC ngày 01 tháng 7 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành phương pháp định giá chung đối với hàng hóa, dịch vụ do nhà nước định giá;

Căn cứ Quyết định số 87/2023/QĐ-UBND ngày 20/11/2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Ninh Thuận quyết định ban hành định mức kinh tế - kỹ thuật áp dụng đối với dịch vụ nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước trong lĩnh vực việc làm trên địa bàn tỉnh Ninh Thuận;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Lao động - Thương binh và Xã hội tại Tờ trình số 4175/TTr-SLĐTBXH ngày 09/12/2024.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Quy định giá dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước thuộc lĩnh vực lao động - thương binh và xã hội về việc làm.

1. Mức giá dịch vụ

| TT | Nội dung | Đơn giá (đồng/ca) |
|-----------|--|------------------------------|
| I | DỊCH VỤ HOẠT ĐỘNG TƯ VẤN | |
| 1 | Tư vấn việc làm | |
| - | Người lao động | 104.428 |
| - | Người khuyết tật | 134.292 |
| - | Người dân tộc thiểu số | 122.346 |
| - | Người sử dụng lao động | 164.155 |
| 2 | Tư vấn chính sách lao động việc làm | |
| - | Người lao động | 98.455 |
| - | Người khuyết tật | 125.333 |
| - | Người dân tộc thiểu số | 114.582 |
| - | Người sử dụng lao động | 152.210 |
| 3 | Tư vấn học nghề | |
| - | Người lao động | 92.483 |
| - | Người khuyết tật | 116.374 |
| - | Người dân tộc thiểu số | 106.817 |
| - | Người sử dụng lao động | 140.264 |
| II | DỊCH VỤ GIỚI THIỆU VIỆC LÀM | |
| 1 | Giới thiệu việc làm trong nước | |
| - | Người lao động | 210.275 |
| - | Người khuyết tật | 283.138 |

| | | |
|------------|---|----------------|
| - | Người dân tộc thiểu số | 297.711 |
| 2 | Giới thiệu lao động Việt Nam đi làm việc có thời hạn ở nước ngoài | |
| - | Người lao động | 326.856 |
| - | Người dân tộc thiểu số | 487.155 |
| III | DỊCH VỤ CUNG ỨNG LAO ĐỘNG | |
| 1 | Cung ứng lao động trong nước | |
| - | Người lao động | 274.784 |
| - | Người khuyết tật | 370.943 |
| - | Người dân tộc thiểu số | 390.174 |
| 2 | Cung ứng lao động đi làm việc có thời hạn ở nước ngoài theo hợp đồng | |
| - | Người lao động | 409.406 |
| - | Người dân tộc thiểu số | 601.724 |
| IV | DỊCH VỤ THU THẬP THÔNG TIN NGƯỜI TÌM VIỆC, THU THẬP THÔNG TIN VIỆC LÀM TRỐNG | |
| 1 | Thu thập thông tin người tìm việc | |
| - | Trực tiếp tại Trung tâm | 50.503 |
| - | Qua website, trang mạng xã hội của Trung tâm | 57.120 |
| - | Tại các phiên giao dịch việc làm (tổ chức ngoài Trung tâm) | 53.811 |
| - | Tại hộ gia đình | 76.971 |
| 2 | Thu thập thông tin việc làm trống | |
| - | Trực tiếp tại Trung tâm | 59.166 |
| - | Qua website, trang mạng xã hội của Trung tâm | 70.840 |
| - | Tại các phiên giao dịch việc làm (tổ chức ngoài Trung tâm) | 66.949 |
| - | Tại doanh nghiệp | 117.539 |

2. Mức giá dịch vụ sự nghiệp công nêu trên đã bao gồm: chi phí lao động (xác định theo mức lương cơ sở 2.340.000 đồng/tháng theo quy định tại Nghị định số 73/2024/NĐ-CP ngày 30 tháng 6 năm 2024 của Chính phủ quy định mức lương cơ sở và chế độ tiền thưởng đối với cán bộ, công chức, viên chức và lực lượng vũ trang), chi phí thiết bị, vật tư, năng lượng.

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Căn cứ giá dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước trong lĩnh vực lao động - thương binh và xã hội về việc làm quy định tại khoản 1 Điều 1 Quyết định này, các đơn vị liên quan thực hiện dự toán ngân sách nhà nước và

thanh toán kinh phí thực hiện theo phương thức nhà nước đặt hàng, giao nhiệm vụ, đấu thầu đúng quy định hiện hành.

2. Sở Lao động - Thương binh và Xã hội chủ trì, phối hợp các sở, ngành, đơn vị liên quan: hướng dẫn, kiểm tra việc thực hiện quy định giá dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước trong lĩnh vực lao động - thương binh và xã hội về việc làm trên địa bàn tỉnh Ninh Thuận theo Quyết định này và đề xuất Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, Quyết định sửa đổi, bổ sung, điều chỉnh giá khi các yếu tố hình thành giá thay đổi (nếu có).

Điều 3. Điều khoản thi hành

1. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ký.

2. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc các Sở, Thủ trưởng các Ban, Ngành thuộc UBND tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện, thành phố; các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- TT: TU, HĐND tỉnh, UBND tỉnh;
- UBMTTQVN, các đoàn thể tỉnh;
- Các cơ quan tham mưu, giúp việc Tỉnh ủy;
- VP. Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh;
- Cơ quan Báo, Đài tỉnh;
- Công báo tỉnh;
- Công Thông tin điện tử tỉnh;
- VPUB: LĐ, CV;
- Lưu: VT, VXNV. NVT

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Nguyễn Long Biên